



**Dai-ichi Life Vietnam**  
Fund Management - **DFVN**

# ***BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN*** ***ANNUAL REPORT***

***NĂM 2025***  
***YEAR 2025***

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

### ANNUAL REPORT

Năm 2025

Year 2025

#### I. Thông tin chung / General information

##### 1. Thông tin khái quát / General information

- Tên giao dịch tiếng Việt / Trading name in Vietnamese: Công ty Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
- Tên đầy đủ / Full name: Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”)/ Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Ltd. (“Company”)
- Giấy phép thành lập và hoạt động số / License of establishment and operation No.: 53/GP-UBCK
- Vốn Điều lệ / Charter capital: VND 27.500.000.000
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu / Owner’s capital: VND 27.500.000.000
- Chủ sở hữu / Owner: Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam / Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam, Ltd.
- Địa chỉ trụ sở chính / Head office’s address: Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Tp. HCM / Floor 11<sup>th</sup>, 149-151 Nguyen Van Troi, Phu Nhuan Ward, HCM City
- Số điện thoại / Telephone: (028) 3810 0888
- Số fax / Fax: (028) 3844 9835
- Website: <http://www.dfvn.com.vn>

##### Quá trình hình thành và phát triển / Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay) / Foundation and development process (date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

Ngày 10/02/2014 On 10 <sup>th</sup> February 2014	Công ty được cấp giấy phép thành lập bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) và được phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh bao gồm: (i) Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; (ii) Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và (iii) Tư vấn đầu tư chứng khoán <i>The Company License is issued by State Securities Commission (“SSC”) with</i>
--	--

	<i>business sectors including: (i) Securities investment fund management; (ii) Securities portfolio management and (iii) Securities investment advisory.</i>
Ngày 30/12/2014 <i>On 30<sup>th</sup> December 2014</i>	Công ty nhận được Thông báo xác lập thành lập Quỹ thành viên của UBCKNN, tên là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Dai-ichi Life Việt Nam. Tuy nhiên, Quỹ đã kết thúc thời hạn hoạt động ba (03) năm và hoàn tất việc giải thể Quỹ vào ngày 28/03/2018.  <i>The Company has been issued by SSC the Notification on the establishment of Equity member fund, namely Dai-ichi Life Vietnam Equity Member Fund. However, the Fund terminated the operational term of three (03) years and completed the dissolution on 28<sup>th</sup> March 2018.</i>
Ngày 16/10/2018 <i>On 16<sup>th</sup> October 2018</i>	Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán (loại hình Quỹ mở) ra công chúng cho Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN-CAF”).  <i>The Company has been issued by SSC the Certificate of the Initial Public Offering of Open-ended Fund for DFVN Capital Appreciation Fund (“DFVN-CAF”).</i>
Ngày 03/01/2019 <i>On 03<sup>rd</sup> January 2019</i>	Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng cho Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN-CAF”).  <i>The Company has been issued by SSC the Certificate of the establishment of Public Fund for DFVN Capital Appreciation Fund (“DFVN-CAF”).</i>
Ngày 20/10/2020 <i>On 20<sup>th</sup> October 2020</i>	Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán (loại hình Quỹ mở) ra công chúng cho Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (“DFVN-FIX”).  <i>The Company has been issued by SSC the Certificate of the Initial Public Offering of Open-ended Fund for DFVN Fixed Income Fund (“DFVN-FIX”).</i>
Ngày 04/02/2021 <i>On 04<sup>th</sup> February 2021</i>	Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng cho Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (“DFVN-FIX”).  <i>The Company has been issued by SSC the Certificate of the establishment of Public Fund for DFVN Fixed Income Fund (“DFVN-FIX”).</i>

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh / Lines and locations of the business:**

- **Ngành nghề kinh doanh / Lines of the business** (Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất / *Specify major lines of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*):
  - Nghiệp vụ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán / *Business of securities portfolio management.*
- **Địa bàn kinh doanh / Location of business** (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất / *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*):
  - Công ty đóng trụ sở chính ở thành phố Hồ Chí Minh / *The Company has the head office in Ho Chi Minh city.*

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý / Information about governance model, business organization and managerial apparatus**

#### **Mô hình quản trị / Governance model**

- (a) Hội đồng Thành viên / *Member's Council*;
- (b) Kiểm soát viên / *Inspector*;
- (c) Tổng Giám đốc điều hành / *Chief Executive Officer*.

#### **Cơ cấu bộ máy quản lý / Management structure**

- (a) Hội đồng Thành viên / *Member's Council*;
- (b) Kiểm soát viên / *Inspector*;
- (c) Tổng Giám đốc điều hành / *Chief Executive Officer*;
- (d) Các phòng ban bao gồm: (i) Đầu tư; (ii) Kiểm soát Nội bộ; (iii) Nghiệp vụ Quản lý Quỹ; (iv) Phát triển kinh doanh và (v) Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro / *The divisions include: (i) Investment; (ii) Internal Control; (iii) Fund Services Operations; (iv) Business Development and (v) Corporate Planning and Risk Management.*

#### **Các công ty con, công ty liên kết / Subsidiaries, associated companies**

- Công ty hiện không có công ty con, công ty liên kết / *The Company currently does not have any subsidiaries, associated companies.*

### **4. Định hướng phát triển / Development orientations**

#### **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / Main objectives of the Company**

- Trở thành Công ty Quản lý Quỹ thuộc nhóm dẫn đầu về uy tín và hiệu quả đầu tư mang lại cho khách hàng; không ngừng phát triển và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, môi trường làm việc chuyên nghiệp, chính sách quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng.

*To become a Fund Management Company in the leading group which brings customers prestige and investment efficiency; continuously develop and improve the organizational structure, professional working environment, risk management policy in accordance with international standards in order to meet the customer needs which are increasing and diverse.*

#### **Chiến lược phát triển trung và dài hạn / Development strategies in medium and long term**

- Duy trì kết quả đầu tư vượt trội / *Maintain outstanding investment results*

Hiện tại, Công ty được ủy thác quản lý tài sản từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, trong đó bao gồm các Quỹ liên kết đơn vị thuộc Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết đầu tư. Bên cạnh đó, Công ty đang quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN-CAF”), là loại hình Quỹ mở nhằm mang đến cho nhà đầu tư, đặc biệt là các khách hàng cá nhân trong nước cơ hội đầu tư sinh lời tương ứng với mức rủi ro đầu tư cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán (“TTCK”) Việt Nam và Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (“DFVN-FIX”) là Quỹ mở thứ hai, đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng ngại rủi ro, mong muốn sự ổn định và hài lòng với mức lợi nhuận kỳ vọng vừa phải. Giá trị mà các Quỹ mở mang lại cho nhà đầu tư có được là nhờ duy trì kỷ luật trong chiến lược đầu tư, nhưng linh hoạt và hiệu quả khi giải ngân đầu tư, kịp thời nắm bắt cơ hội thị trường cũng như nhận diện và quản trị rủi

ro phù hợp.

*Currently, The Company manages the capital entrusted by Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam Limited, including Unit-link Fund of investment-linked investment product. In addition, the Company is managing DFVN Capital Appreciation Fund (“DFVN-CAF”), in the form of Open-ended Fund in order to bring investors, especially local investors, opportunities for profitable investment corresponding to the risk level of shares investment in Vietnam's Securities Market (Securities Market) and DFVN Fixed Income Fund (“DFVN-FIX”), is the second Open-ended fund to meet the investment need of the customers who are risk-adverse and wish to have the stability and satisfaction with the reasonable expected return. The value of Open-ended Funds brings the investors due to maintained discipline in investment strategy but being flexible, efficient when disbursing investment, timely grasping the market opportunitie, realizing and managing risk reasonably as well.*

Năm 2025, TTCK Việt Nam – đại diện bởi chỉ số VN-Index đạt mức tăng 40,9% so với cuối năm 2024, nằm trong nhóm tăng trưởng cao nhất trong các quốc gia Đông Nam Á. Đây là mức tăng trưởng vô cùng ấn tượng nhưng chủ yếu được dẫn dắt bởi số ít cổ phiếu đặc thù có câu chuyện riêng. Nhìn chung, thị trường nói chung và cổ phiếu của đa số các doanh nghiệp vẫn chịu nhiều khó khăn đặc biệt từ sự kiện thuế quan đối ứng và những xung đột mang tính địa chính trị.

*In 2025, the Vietnam Stock Market – represented by VN-Index achieved a return of 40.9% YoY, ranking among the strongest growth markets in Southeast Asia. This is an amazing growth which is attributed to few stokcs that stood out with their own stories. Overall, the whole market in general and most stocks in particular have suffered from many obstacles – especially the Recirocal Tariffs and geopolitical tensions.*

Danh mục đầu tư ủy thác của khách hàng tổ chức, và của các quỹ đầu tư do Công ty quản lý đã được chủ động điều hành linh hoạt, hạn chế rủi ro biến động thị trường, mang lại giá trị và niềm tin cho khách hàng, đặc biệt là các nhà đầu tư cá nhân với những hạn chế về thời gian, thông tin và kinh nghiệm, tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán thông qua quỹ. Kế hoạch năm 2026, khi TTCK nói riêng và nền kinh tế nói chung vẫn được kỳ vọng tăng trưởng, dù phải tiếp tục đối mặt với các rủi ro khó lường, Công ty sẽ nỗ lực hơn nữa, tìm kiếm cơ hội để tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả đầu tư, quản trị rủi ro với tài sản ủy thác và (các) quỹ đầu tư do Công ty quản lý; chú trọng và nâng cao trải nghiệm của khách hàng nhằm đáp ứng tốt yêu cầu và kì vọng của khách hàng và nhà đầu tư, thông qua việc đưa vào sử dụng và cải thiện các chức năng của nền tảng giao dịch Quỹ mở trực tuyến – iTRUST.

*The portfolio of institutional customers and funds, which are managed by the Company, are actively and flexibly operated, limits the risks of market movement and bring the value and trust for the customers, especially for individual investors investing in the securities market with limited time, information and experience participating in investing in the securities market through funds. For year 2026, as economy in general and securities market in particular are still expected to grow, despite continuing to face unpredictable risks, the Company will make the more effort, look for investment opportunities in order to continuously maintain and enhance the investment efficiency, risk management with the enstrustment assets, funds managed by the Company; improve customer experience to adopt customer needs and expectation better and better, through improvement after the introduction of the Open-ended fund online transaction platform – iTRUST.*

- **Chú trọng phát triển sản phẩm đầu tư phục vụ khách hàng cá nhân trong nước / Focus on developing investment products affordable for individual customers**

TTCK Việt Nam trong vài năm trở lại đây cho thấy sự phát triển mạnh và bền vững hơn, trở thành một trong những kênh đầu tư mang lại hiệu quả sinh lời tốt nhất trong dài hạn. Bên cạnh đó, trong ngắn hạn, TTCK luôn biến động và hàm chứa rủi ro, nên sẽ là rào cản lớn cho nhà đầu tư cá nhân mới tham gia thị trường. Vì vậy, thống kê cho thấy, tỷ trọng người dân Việt Nam tham gia và hưởng lợi từ những cơ hội đầu tư trên TTCK để tích lũy tài sản làm giàu cho tương lai là không nhiều. Nguyên nhân là do (1) Phần lớn trong số họ bị hạn chế về thời gian, kiến thức, kinh nghiệm và thông tin thị trường; (2) Một số khác lại có xu hướng tự đầu tư và sẵn sàng chấp nhận rủi ro trên mức hợp lý với hy vọng làm giàu nhanh chóng. Công ty sẽ nỗ lực không ngừng nhằm đưa ra thị trường các sản phẩm và dịch vụ (Quỹ mở, Quỹ Hưu trí tự nguyện...) chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đầu tư, tích lũy tài sản cho cuộc sống tương lai của rất nhiều người dân Việt Nam.

*The Vietnam securities market in recent years has shown a stronger, sustainable development and becomes one of the best investment channels with the high profitability in long term. Besides, in the short term, the securities market is always movable and contains the risk, so it will be big barrier for new individual investor to participate the market. Therefore, the statistic has shown that the proportion of Vietnamese people participating in and benefiting from the securities market to accumulate the capital for future enrichment is not a large number. The reason is that (1) most of them are limited to time, knowledge, experience, and market information; (2) Others tend to invest on their own and are willing to take risks on the reasonable basis to get rich quickly as their wish. The Company will endeavor to provide the high-quality products and services (Open-ended fund, Voluntary pension fund...) to meet the demand for investment and asset accumulation for the future life of many Vietnamese people.*

Sau khi cho ra đời loại hình Quỹ mở, Công ty cũng tiếp tục nghiên cứu về khuôn khổ pháp lý, điều kiện thị trường, mô hình kinh doanh và các bước chuẩn bị cho sự ra đời của Quỹ Hưu trí Bổ sung Tự nguyện phù hợp nhất với điều kiện Việt Nam.

*After the Open-ended fund has been established, the Company continues to conduct the steps for researching legal framework, market condition, business concept and the preparation for Additional voluntary pension fund which will be suitable for the conditions in Vietnam.*

– **Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community sustainability**

- Công ty luôn chú trọng tinh thần trách nhiệm cộng đồng trong việc định hướng phát triển hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho khách hàng, nhà đầu tư và các bên liên quan.

*The Company always focuses on community responsibilities in the orientation of business development in order to ensure the best benefits for customer, investor and other related parties.*

## 5. Các rủi ro / Risks:

- **Nhóm rủi ro chiến lược / Strategic risk group**

Đây là nhóm rủi ro cao mà Công ty có thể phải gánh chịu dẫn đến hậu quả Công ty có sự quyết định chiến lược không phù hợp hoặc Công ty không thể hoàn thành chiến lược đã đề ra. Ví dụ:

*This is the high-level risk group that the Company makes inappropriate strategic choices or is unable to successfully implement selected strategies. For example:*

- Rủi ro môi trường kinh tế: là rủi ro do sự suy thoái đột ngột của nền kinh tế.

*Economic environment risk: the risk for the loss due to a sudden downturn of the economy.*

- **Nhóm rủi ro tài chính / Financial risk group**

Đây là nhóm rủi ro gây ra thiệt hại đe dọa đến tình hình tài chính của Công ty. Ví dụ:

*This is the risk group for the loss which shall make a threat to current financial status. For example:*

- Rủi ro thanh khoản / tín dụng: là rủi ro bị lỗ tiền vốn gốc hoặc khoản tiền lời do đối tác không thanh toán tiền hoặc không tuân theo nghĩa vụ theo hợp đồng.

*Default / Credit risk: the risk for the loss of principal or financial reward stemming from a debtor's failure to repay money or otherwise meet a contractual obligation.*

- Rủi ro thị trường: là rủi ro gây ra thiệt hại do sự biến động giá thị trường của tài sản hoặc công cụ tài chính.

*Market risk: the risk for the loss due to movements of market price of assets or financial tools.*

- Rủi ro thanh khoản: là rủi ro trong đó Công ty không thể bán tài sản hoặc chuyển đổi tài sản thành tiền mặt với giá trị hợp lý do thiếu tính thanh khoản.

*Liquidity risk: the risk in which the Company is unable to sell assets or convert them into cash with reasonable value due to liquidity shortage.*

- Rủi ro chi tiêu: rủi ro trong kế hoạch kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng bởi các chi phí bất ngờ phát sinh vượt quá số tiền ngân sách.

*Expenditure risk: the risk in which the Company business plan is affected by unexpected costs incurred in excess of budgeted amount.*

- **Nhóm rủi ro hoạt động / Operational risk group**

Đây là nhóm rủi ro gây ra thiệt hại do lỗi quá trình tác nghiệp nội bộ, con người, hệ thống hoặc các yếu tố bên ngoài. Ví dụ:

*This is the risk group for the loss from inadequate or failed internal processes, people and systems or from external factors. For example:*

- Rủi ro con người: là rủi ro gây ra thiệt hại do thiếu hụt nhân viên có trình độ.

*Human resource risk: the risk for the loss due to shortage of qualified employees.*

- Rủi ro lỗi hệ thống: là rủi ro gây ra thiệt hại bởi lỗi vận hành trong quá trình quản lý danh mục đầu tư hoặc quản lý quỹ đầu tư.

*Operational error risk: the risk for the loss due to operational errors in the process of portfolio or fund management.*

- Nhóm rủi ro công nghệ: là nhóm rủi ro gây ra thiệt hại liên quan đến IT.

*IT risk group: the risk group for the loss related to IT issues.*

- **Nhóm rủi ro tuân thủ / Compliance risk group**

Đây là nhóm rủi ro do Công ty hoặc nhân viên Công ty không tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch, quy định nội bộ.

*This is the risk group in which the Company or employees does not comply with the legal regulations, Fund Charter, Prospectus, internal rules.*

## **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh / *Situation of production and business operations***

### **– Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm / *Results of business operations in the year:***

- Đối với hoạt động quản lý danh mục đầu tư: Trong năm 2025, doanh thu từ hoạt động kinh doanh đạt 153,66 tỷ đồng (trong đó doanh thu quản lý danh mục đầu tư là 151,76 tỷ đồng chiếm 98,77% tổng doanh thu, doanh thu quản lý quỹ đầu tư chứng khoán là 1,89 tỷ chiếm 1,23% tổng doanh thu), tăng 10,78% so với năm 2024. Công ty phát triển doanh thu theo định hướng bền vững, doanh thu tăng trong khi vẫn đảm bảo an toàn và luôn kiểm soát được rủi ro. Trong năm 2025, Công ty tiếp tục hoàn thành việc tăng trưởng doanh thu trong hoạt động quản lý danh mục đầu tư, kết quả là đã có sự tăng trưởng đáng kể so với năm 2024.

*For the operation of portfolio management: In 2025, the total revenue reached VND153.66 billion (from portfolio management operation and fund management operation reached VND151.76 billion accounted 98.77% of total revenue; and VND1.89 billion accounted 1.23% of total revenue respectively), increased 10.78% comparing with year 2024. The revenue is developed by the Company based on the sustainability orientation, this thing means that the revenue increases while securing the capital and controlling risks. In 2025, the Company continues to complete the mission of revenue development in portfolio management operation, and the result is that there is a considerable increase in revenue compared with year 2024.*

## **2. Tổ chức và nhân sự / *Organization and Human resource***

### **– Danh sách Ban điều hành / *List of the Board of Management***

- Ông Trần Châu Danh – Tổng Giám đốc điều hành / *Mr. Tran Chau Danh – Chief Executive Officer;*
- Ông Kida Fumihiko - Trưởng Bộ phận Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro / *Mr. Kida Fumihiko, Head of Corporate Planning and Risk Management Division;*

### **– Những thay đổi trong Ban điều hành / *Changes in the Board of Management***

- Trong năm 2025, Công ty không có sự thay đổi trong Ban điều hành.

*In the year 2025, the Company had the changes on the Board of Management.*

- **Số lượng nhân viên trong Công ty tính đến cuối năm 2025** là 20 người. Công ty luôn cố gắng xây dựng, phát triển chính sách nhân sự đảm bảo quyền lợi tốt hơn cho người lao động.

*The number of the Company employees as of the end year 2025 is 20 people. The Company always tries to establish, develop HR policies to ensure the better benefits for employees.*

## **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án / *Investment activities, project implementation***

- Năm 2025, Công ty đầu tư tài chính ngắn hạn (nhỏ hơn 12 tháng) tại các Ngân hàng TMCP trong nước bằng VNĐ. Tổng số tiền đầu tư là 104 tỷ đồng. Hoạt động đầu tư của Công ty mang tính an toàn, mang lại nguồn thu nhập ổn định cho Công ty.

*In 2025, the Company has the short-term (less than 12 months) financial investments at local Joint Stock Commercial Banks. The invested amount is VND104 billion. The investment activities of the Company have the nature of safety and bring the stable income to the Company.*

#### 4. Tình hình tài chính / *Financial situation*

##### a) Tình hình tài chính / *Financial situation*

(Đơn vị tính / *Unit: VND*)

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2024	Năm/Year 2025	% tăng giảm/ % <i>change</i>
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	234.502.357.446	172.827.203.071	(26,30%)
Nợ phải trả/ <i>Total Liability</i>	14.434.287.748	18.095.120.920	25,36%
Doanh thu/ <i>Revenue</i>	138.712.161.354	153.660.228.284	10,78%
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>	(21.953.378.846)	(23.903.612.061)	8,88%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i>	108.593.347.449	118.567.624.514	9,18%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>	86.639.968.603	94.664.012.453	9,26%

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu / *Major financial benchmarks*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2024	Năm/Year 2025	Ghi chú/Note
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i></b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn ( <i>Short term Asset/Short term debt</i> )	17,53	10,21	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i></b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản ( <i>Debt/Total assets ratio</i> )	6,16%	10,47%	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu ( <i>Debt/Owners' Equity ratio</i> )	6,56%	11,69%	
<b>3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i></b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( <i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i> )	62,46%	61,61%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/ total capital Ratio</i> )	39,37%	61,18%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <i>profit after tax/ Total assets Ratio</i> )	36,95%	54,77%	
<b>4. Quy mô vốn/ <i>Capital scale</i></b>			
Vốn điều lệ/ <i>Charter Capital</i>	27.500.000.000	27.500.000.000	
Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i>	234.502.357.446	172.827.203.071	
<b>5. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i></b>			
Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>	6,71	5,78	
Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>	6,11	5,31	

#### 5. Chủ sở hữu, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu / *Shareholder, change in Owner's capital*

##### a. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu / *Owner's capital*

- Chủ sở hữu / *Owner:* Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam / *Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam, Ltd.*

- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu / *Owner's capital:* VND 27.500.000.000

## **b. Tình hình thay đổi vốn của Chủ sở hữu / *Change in Owner's capital***

- Vốn góp ban đầu / *Initial paid-up capital*: VND 25.000.000.000
- Tăng vốn năm 2022 từ Quỹ dự trữ và bổ sung Vốn điều lệ theo quy định tại Thông tư 114/2021/TT-BTC / *Increase in 2022 from Reserve fund for supplementing charter capital*: VND 2.500.000.000
- Tổng số vốn hiện tại / *Total of current capital*: VND 27.500.000.000

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty / *Report related impact of the Company on the environment and society***

### **6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường / *Compliance with the law on environmental protection*:**

- **Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường / *Number of times the Company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment***:  
Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường / *The Company has not been fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

### **6.2. Chính sách liên quan đến người lao động / *Policies related to employees***

**a) Số lượng cán bộ, nhân viên trong công ty đến cuối năm 2025 / *The number of Company employee as of the ending of year 2025***: 20 người / 20 people.

#### **b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động / *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers***

- Công ty có chính sách về quyền lợi cho người lao động đảm bảo về môi trường làm việc an toàn, sức khỏe, phúc lợi và chính sách chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm tai nạn giúp người lao động luôn được bảo vệ trước những rủi ro trong công việc và cuộc sống.  
*The Company has the policies about the employee's benefits to ensure the safety environment working, health, compensation and the policy of health care, accident insurance which helps the employees protected by unexpected risks in work and life.*

#### **c) Hoạt động đào tạo người lao động / *Training employees***

- **Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên / *The average number of training hours per year, according to the staff and staff classification***.
  - Công ty luôn khuyến khích người lao động học tập, phát triển bản thân và không giới hạn số lượng giờ đào tạo cho mỗi học viên. Công ty có chính sách hỗ trợ để người lao động có cơ hội được học tập nâng cao năng lực chuyên môn và phát triển bản thân.  
*The Company always encourages employees in learning, developing; the training hours are not limited to each trainee. The Company has the policy to support employees in learning opportunities to improve their professional capacity and develop.*
- **Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp / *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development***.

- Công ty tạo điều kiện cho người lao động tham gia các khóa đào tạo trong lĩnh vực chuyên ngành liên quan đến chứng khoán và quản lý quỹ. Ngoài ra, nhân viên trong Công ty luôn có cơ hội tham gia đào tạo nội bộ về năng lực và kỹ năng mềm.

*The Company provides suitable conditions to attend training courses in the major of securities and fund management. In addition, the employees have the opportunity to attend training courses of soft skill and capacity.*

### **6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility**

**for local community:** Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng / *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Công ty mẹ - Dai-ichi Life Việt Nam luôn dành sự quan tâm cho các hoạt động hỗ trợ cộng đồng. Trong hành trình hơn 19 năm qua, Dai-ichi Life Việt Nam là một trong những nhà tài trợ hàng đầu với số tiền đóng góp hơn 88 tỷ đồng thông qua việc khởi xướng thực hiện các chương trình từ thiện đầy ý nghĩa như: hiến máu nhân đạo, tặng học bổng cho học sinh hiếu học vượt khó, mổ mắt từ thiện cho người nghèo, quyên góp từ thiện cho các gia đình bị bão lũ, tặng ba lô và áo ấm cho trẻ em vùng cao, lắp đặt hệ thống lọc nước và máy lọc nước uống sạch cho các trường học vùng sâu vùng xa, xây cầu nông thôn, tặng quà khuyến học & dinh dưỡng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, trồng cây xanh đô thị. Quỹ Vì cuộc sống tươi đẹp đi vào hoạt động sẽ tạo điều kiện để Dai-ichi Life Việt Nam tối đa hóa cam kết “Tất cả vì con người” – mang tinh thần tương thân tương ái đến với mọi người dân Việt Nam.

*The parent company – Dai-ichi Life Vietnam always pays attention to community support activities. Over the past more than 19 years, Dai-ichi Life Vietnam has been one of the leading contributors, with total donations exceeding VND 88 billion. The company has initiated and implemented numerous meaningful charitable programs, including blood donation drives, scholarships for underprivileged yet high-achieving students, free eye surgeries for the poor, relief donations for families affected by storms and floods, distribution of backpacks and warm clothing to children in mountainous areas, installation of clean water filtration systems for schools in remote regions, construction of rural bridges, provision of educational and nutritional support for disadvantaged students, and urban tree-planting initiatives.*

## **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc / Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của Công ty / The Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)**

- 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh / Assessment of operating results**
  - **Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây / General analysis of company’s operations against the targets and previous operating results**
    - Tổng doanh thu công ty năm 2025 đạt 153,66 tỷ đồng, tăng 10,78% so với doanh thu năm 2024.  
*The Company revenue of year 2025 reaches VND153.66 billion, increased 10.78% comparing with year 2024.*
  - **Những tiến bộ công ty đã đạt được / The Company’s achievements**

- Kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động / *Effective control of operation expenses*;
- Tăng trưởng doanh thu / *Growth in revenue*;
- Định hướng phát triển bền vững / *Orientation for sustainable development*.

## **2. Tình hình tài chính / *Financial Situation***

### **a) Tình hình tài sản/ *Assets*:**

- Tổng tài sản: Tính đến ngày 31/12/2025 là 172,82 tỷ đồng, giảm 26,30% so với năm 2024 / *The total asset: VND172.82 billion VND as of 31<sup>st</sup> December 2025, decreases 26.30% comparing with year 2024.*
- Tỷ số lợi nhuận trên tài sản (ROA) là 54,77% / *The Return on Asset (ROA) is 54.77%.*
- Vốn chủ sở hữu: 154,73 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2025), giảm 29,69% so với năm 2024 / *The shareholder capital is VND154.73 billion (as of 31<sup>st</sup> December 2025), decreases 29.69% comparing with year 2024.*
- Lợi nhuận sau thuế: 94,66 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2025), tăng 9,26% so với năm 2024 / *The profit after tax is VND94.66 billion (as of 31<sup>st</sup> December 2025), increases 9.26% comparing with year 2024.*

### **b) Tình hình nợ phải trả / *Liabilities***

- Tổng nợ phải trả của công ty tính đến 31/12/2025 là 18,09 tỷ đồng.  
*Total liability of the Company as of 31<sup>st</sup> December 2025 is VND18.09 billion.*
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản là 10,47% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 11,69%. Nợ phải trả chiếm một tỉ trọng không đáng kể so với Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu.  
*Debt/Total assets ratio is 10.47% and Debt/Total shareholder capital is 11.69%. The liability accounted a trival proportion comparing to Total asset and Shareholder capital.*  
Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.  
*The Company does not have any outstanding debts which impact the exchange rate changes on operating result of the Company, and the cost of borrowing to the Company's results.*

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý / *Improvements in organizational structure, policies, management***

- Công ty thường xuyên rà soát lại các quy định, chính sách nội bộ và thực hiện sửa đổi quy định nếu cần thiết để đảm bảo phù hợp hoạt động của Công ty.  
*The Company often reviews the internal policies, rules and amends rules in case that it is necessary to ensure be suitable for the Company operation.*

## **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai / *Development plans in the future***

- Công ty hoạt động kinh doanh với định hướng an toàn, hiệu quả tạo nên sự phát triển bền vững, lâu dài.  
*The Company operates in a safe and effective manner, creates a sustainable and long-term development.*

## **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán**

Không có / None

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty / Assessment Report related to environmental and social responsibility of the Company**

**a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...) / Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).**

- Tuy là một Công ty Quản lý quỹ, hoạt động kinh doanh hầu như không có ảnh hưởng đến môi trường nhưng Công ty luôn xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên.  
*Although the Company is a type of fund management company and the operation business do not have any impact on the environment, but the Company always establishes the culture of environmental protection.*
- Công ty luôn tuân thủ những quy định về môi trường.  
*The Company always complies with the regulations of environment.*

**b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động / Review concerning the problems of workers**

- Công ty luôn cố gắng tạo một môi trường làm việc tốt cho người lao động như đã đề cập ở Mục II, Điều 5.2 ở trên.  
*The Company always makes effort to create a good working environment for employees as mentioned in Section II, Article 5.2 above.*

**c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương / Review concerning corporate responsibility towards the local community**

- Công ty đã có những đóng góp cho cộng đồng như đã đề cập Mục II, Điều 5.3 ở trên.  
*The Company had the contributions for the community as mentioned in Section II, Article 5.3 above.*

**IV. Báo cáo tài chính / Financial statements**

1. Ý kiến kiểm toán / Auditor's opinions: Phụ lục 1 / Appendix 1
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán / Audited financial statements: Phụ lục 2 / Appendix 2

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**



*Trần Châu Danh*  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 / ANNUAL REPORT YEAR 2025*

# PHỤ LỤC 1/APPENDIX 1

*Báo cáo Kiểm toán độc lập / Independent Auditors' Report*



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG  
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi Chủ sở hữu  
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00566-26-1



Nguyễn Thủy Ninh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2026





KPMG Limited Branch  
No. 115 Nguyen Hue Street,  
Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

### To the Owner Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited

We have audited the accompanying financial statements of Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited ("the Company"), which comprise the balance sheet as at 31 December 2025, the statements of income, cash flows and changes in equity for the year then ended and the explanatory notes thereto which were authorised for issue by the Company's Chief Executive Officer on 25 March 2026, as set out on pages 5 to 37.

### Management's Responsibility

The Company's Chief Executive Officer is responsible for the preparation and true and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 125/2011/TT-BTC dated 5 September 2011 issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for investment fund management companies and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting, and for such internal control as the Chief Executive Officer determines is necessary to enable the preparation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

### Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free of material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgement, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and true and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Company's Chief Executive Officer, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.



## Auditor's Opinion

In our opinion, the financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited as at 31 December 2025 and of its results of operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 125/2011/TT-BTC dated 5 September 2011 issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for investment fund management companies and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

### KPMG Limited Branch

Vietnam  
Audit Report No.: 25-01-00566-26-1



Nguyen Thuy Ninh  
Practicing Auditor Registration  
Certificate No. 4623-2023-007-1  
*Deputy General Director*

Ho Chi Minh City, 25 March 2026

Pham Huy Cuong  
Practicing Auditor Registration  
Certificate No. 2675-2024-007-1



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 / ANNUAL REPORT YEAR 2025

# PHỤ LỤC 2 / APPENDIX 2

*Báo cáo Tài chính được kiểm toán / Audited Financial Statements*



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2025**



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Thành lập và  
Hoạt động số**

53/GP-UBCK	ngày 10 tháng 2 năm 2014
47/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 7 năm 2018
72/GPĐC-UBCK	ngày 8 tháng 8 năm 2022
07/GPĐC-UBCK	ngày 16 tháng 1 năm 2023

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

**Hội đồng Thành viên**

Ông Trần Đình Quân	Chủ tịch
Ông Ng Kiam Wee	Thành viên
Ông Đặng Hồng Hải	Thành viên
Ông Trần Châu Danh	Thành viên
Ông Yoshihito Takahama	Thành viên

(đến ngày 23 tháng 3 năm 2026)

**Tổng Giám đốc**

Ông Trần Châu Danh

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Trần Châu Danh

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 11, 149-151, Nguyễn Văn Trỗi  
Phường Phú Nhuận  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam Báo cáo của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm



Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG  
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi Chủ sở hữu**

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

01-C...  
NH  
INH  
G  
CHÍ M



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00566-26-1



Nguyễn Thùy Ninh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4623-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Phạm Huy Cường  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2675-2024-007-1



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu B01 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>169.987.469.595</b>	<b>230.200.959.843</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>24.633.640.697</b>	<b>1.894.855.971</b>
Tiền	111		6.633.640.697	1.894.855.971
Các khoản tương đương tiền	112		18.000.000.000	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính</b>	<b>120</b>		<b>104.000.000.000</b>	<b>190.500.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	104.000.000.000	190.500.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>39.307.276.687</b>	<b>35.994.882.272</b>
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	35.112.319.760	30.898.001.585
Phải thu ngắn hạn khác	135	7	4.194.956.927	5.096.880.687
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.046.552.211</b>	<b>1.811.221.600</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8(a)	2.046.552.211	1.811.221.600
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>2.839.733.476</b>	<b>4.301.397.603</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13.000.000</b>	<b>13.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	218		13.000.000	13.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.308.826.549</b>	<b>3.652.988.735</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	512.650.840	703.480.256
Nguyên giá	222		3.319.879.743	3.188.206.143
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.807.228.903)	(2.484.725.887)
Tài sản cố định vô hình	227	10	1.796.175.709	2.949.508.479
Nguyên giá	228		10.239.320.684	10.239.320.684
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.443.144.975)	(7.289.812.205)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>517.906.927</b>	<b>635.408.868</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	8(b)	169.461.357	391.629.745
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	348.445.570	243.779.123
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>172.827.203.071</b>	<b>234.502.357.446</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>31/12/2024 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>18.095.120.920</b>	<b>14.434.287.748</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.647.566.287</b>	<b>13.131.373.242</b>
Phải trả người bán	311		-	44.572.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	9.678.039.668	7.114.159.036
Chi phí phải trả	316	13	6.897.111.050	5.510.878.111
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		72.415.569	461.764.095
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.447.554.633</b>	<b>1.302.914.506</b>
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	14	1.447.554.633	1.302.914.506
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>154.732.082.151</b>	<b>220.068.069.698</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>154.732.082.151</b>	<b>220.068.069.698</b>
Vốn góp	411	15	27.500.000.000	27.500.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.500.000.000	2.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		124.732.082.151	190.068.069.698
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>172.827.203.071</b>	<b>234.502.357.446</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>31/12/2024 VND</b>
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	18	119.997.811.431	114.449.420.046
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		119.997.811.431	114.449.420.046
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	19	64.110.963.557.416	55.195.508.323.649
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		64.110.963.557.416	55.195.508.323.649
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	20	25.709.939.068	4.023.450.000
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	21	55.622.884.246	30.753.445.998

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu B02 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>1</b>		<b>153.660.228.284</b>	<b>138.712.161.354</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh (10 = 1 - 2)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>153.660.228.284</b>	<b>138.712.161.354</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	9.075.188.281	8.845.743.213
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	44.166.739.202	39.016.146.451
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 - 25)</b>	<b>30</b>		<b>118.568.677.363</b>	<b>108.541.758.116</b>
Doanh thu khác	31		8.539.400	51.870.160
Chi phí khác	32		9.592.249	280.827
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(1.052.849)</b>	<b>51.589.333</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>118.567.624.514</b>	<b>108.593.347.449</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>25</b>	<b>24.008.278.508</b>	<b>21.827.024.416</b>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>25</b>	<b>(104.666.447)</b>	<b>126.354.430</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>94.664.012.453</b>	<b>86.639.968.603</b>

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập:

*Wz*

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B03 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>118.567.624.514</b>	<b>108.593.347.449</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	1.475.835.786	1.499.393.163
Các khoản dự phòng	03	145.000.000	145.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.075.188.281)	(8.845.743.213)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>111.113.272.019</b>	<b>101.391.997.399</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(4.070.580.720)	(2.790.489.947)
Thay đổi các khoản phải trả	11	948.854.720	(246.251.900)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(13.162.223)	260.943.510
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(21.441.300.056)	(20.595.073.681)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>86.537.083.740</b>	<b>78.021.125.381</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(131.673.600)	-
Tiền chi cho gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(153.000.000.000)	(210.500.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24	239.500.000.000	126.000.000.000
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27	9.833.374.586	8.500.192.517
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>96.201.700.986</b>	<b>(75.999.807.483)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

1204  
HI N  
ONG  
KI  
VH PH

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B03 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Phân phối lợi nhuận	36	(160.000.000.000)	(50.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(160.000.000.000)</b>	<b>(50.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>22.738.784.726</b>	<b>(47.978.682.102)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.894.855.971</b>	<b>49.873.538.073</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>24.633.640.697</b>	<b>1.894.855.971</b>

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu B05 – CTQ**  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm		Biến động trong năm		Số dư cuối năm	
	1/1/2024	1/1/2025	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2024	31/12/2025
Vốn góp	27.500.000.000	27.500.000.000	-	-	27.500.000.000	27.500.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	153.428.101.095	190.068.069.698	86.639.968.603	(50.000.000.000)	94.664.012.453	(160.000.000.000)
	<b>183.428.101.095</b>	<b>220.068.069.698</b>	<b>86.639.968.603</b>	<b>(50.000.000.000)</b>	<b>94.664.012.453</b>	<b>(160.000.000.000)</b>
					<b>220.068.069.698</b>	<b>154.732.082.151</b>

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập:

*h2*

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
 Kế toán trưởng



Ông Trần Châu Danh  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu B09 – CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 53/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 07/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 1 năm 2023. Thời gian hoạt động của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động là 50 năm.

Tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động là 27.500 triệu VND.

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

**(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Tổng số nhân viên của Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 20 nhân viên (31/12/2024: 20 nhân viên) trong đó có 12 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản (31/12/2024: 12 nhân viên).



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 (“Thông tư 125”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(e) Hình thức sổ kế toán**

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi sổ các giao dịch phát sinh và hình thức sổ kế toán là nhật ký sổ cái.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập như sau:

<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Tỷ lệ trích lập dự phòng</b>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán là chi phí/thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản phải thu này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ chi phí nâng cấp văn phòng	4 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 5 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(g) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí khác**

Chi phí khác bao gồm chi phí nâng cấp thiết bị và chi phí khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

**(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(i) Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư**

Theo Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính (“Thông tư 99”), công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư. Công ty thực hiện trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo chính sách nội bộ tại văn bản phê duyệt số IC/2025/004 ngày 11 tháng 3 năm 2025 (2024: Công ty thực hiện trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo chính sách nội bộ tại văn bản phê duyệt số IC/2024/002 ngày 27 tháng 2 năm 2024).

**(j) Dự phòng**

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày tại các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(k) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(l) Vốn góp**

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

**(m) Các quỹ dự trữ bắt buộc**

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định có liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Hội đồng Thành viên Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định có liên quan khác.

Theo Nghị quyết số MC2022-05 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng Thành viên, Công ty đã tiến hành việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, đồng thời giữ nguyên số dư quỹ dự phòng tài chính đã trích lập.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(n) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

042-  
NHÀ  
TY  
PM  
HỒ

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác được định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(o) Hợp đồng ủy thác đầu tư**

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 125.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Phí quản lý danh mục đầu tư và phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các dịch vụ được cung cấp cho khách hàng theo các điều kiện và điều khoản của các hợp đồng được ký với các khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(q) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới chủ sở hữu (công ty mẹ), công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con, các công ty liên kết của các công ty này.

Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

**(s) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay các số dư được quy định trong Thông tư 125 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<i>Tiền gửi tại ngân hàng:</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	6.505.361.728	1.834.998.388
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	128.278.969	59.857.583
<i>Các khoản tương đương tiền</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	18.000.000.000	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>	<b>24.633.640.697</b>	<b>1.894.855.971</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền có kỳ hạn gốc trong vòng 3 tháng và hưởng lãi suất năm là 4,75% (31/12/2024: không có).

**5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá một năm tại:</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	9.000.000.000	58.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	44.000.000.000	57.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	31.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	27.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.000.000.000	17.500.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	47.000.000.000	-
	<b>104.000.000.000</b>	<b>190.500.000.000</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn hưởng lãi suất năm từ 5,20% đến 6,60% (31/12/2024: từ 4,20% đến 6,30%).

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“DLVN”) – công ty mẹ (i)	34.927.199.190	30.753.445.998
Phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN – CAF”) (ii)	148.701.838	112.482.666
Phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (“DFVN – FIX”) (iii)	36.418.732	32.072.921
	35.112.319.760	30.898.001.585

- (i) Khoản phải thu phí quản lý danh mục đầu tư từ công ty mẹ, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Công ty có quyền tính lãi cho khoản chậm thanh toán theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- (ii) Khoản phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.
- (iii) Khoản phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	4.151.386.313	4.909.572.618
Tạm ứng cho người lao động (i)	5.430.000	153.553.261
Phải thu ngắn hạn khác (ii)	38.140.614	33.754.808
	4.194.956.927	5.096.880.687

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tạm ứng cho người lao động có kỳ hạn còn lại không quá ba tháng là 5.430.000 VND (31/12/2024: 153.553.261 VND).
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản phải thu ngắn hạn khác có kỳ hạn còn lại không quá ba tháng là 38.140.614 VND (31/12/2024: 33.754.808 VND).

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**8. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí phân tích và truy cập dữ liệu	539.877.508	468.012.284
Phí bảo trì phần mềm	1.471.496.703	1.341.009.316
Chi phí khác	35.178.000	2.200.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>2.046.552.211</b>	<b>1.811.221.600</b>
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	310.113.206	81.516.539	391.629.745
Tăng trong năm	-	134.201.960	134.201.960
Phân bổ trong năm	(270.588.343)	(85.782.005)	(356.370.348)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	<b>39.524.863</b>	<b>129.936.494</b>	<b>169.461.357</b>
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

001-G  
 NH  
 INHH  
 3  
 HÍ MINH

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Chi phí nâng cấp văn phòng VND</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	650.291.746	2.537.914.397	3.188.206.143
Tăng trong năm	-	131.673.600	131.673.600
Số dư cuối năm	650.291.746	2.669.587.997	3.319.879.743
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	176.120.681	2.308.605.206	2.484.725.887
Khấu hao trong năm	156.891.625	165.611.391	322.503.016
Số dư cuối năm	333.012.306	2.474.216.597	2.807.228.903
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	474.171.065	229.309.191	703.480.256
Số dư cuối năm	317.279.440	195.371.400	512.650.840

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản với nguyên giá là 2.270.133.697 VND (31/12/2024: 2.130.904.600 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	10.239.320.684
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	7.289.812.205
Khấu hao trong năm	1.153.332.770
Số dư cuối năm	8.443.144.975
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	2.949.508.479
Số dư cuối năm	1.796.175.709

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 4.558.108.148 VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>31/12/2024 VND</b>
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:</i>			
Chi phí phải trả	20%	58.934.643	-
Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	20%	289.510.927	260.582.901
		348.445.570	260.582.901
<i>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:</i>			
Chi phí phải trả	20%	-	(16.803.778)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại – thuần		348.445.570	243.779.123

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế thu nhập cá nhân	287.134.620	4.966.333.421	(4.969.431.241)	284.036.800
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.827.024.416	24.008.278.508	(21.441.300.056)	9.394.002.868
Thuế khác	-	307.255.674	(307.255.674)	-
	7.114.159.036	29.281.867.603	(26.717.986.971)	9.678.039.668

**13. Chi phí phải trả**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Lương tháng 13 và tiền thưởng cho nhân viên	5.317.898.830	4.798.820.000
Chi phí khác	1.579.212.220	712.058.111
	6.897.111.050	5.510.878.111

**14. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư**

Biến động quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	1.302.914.506	1.158.623.222
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 24)	145.000.000	145.000.000
Chi bồi thường cho nhà đầu tư	(359.873)	(708.716)
Số dư cuối năm	1.447.554.633	1.302.914.506

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**15. Vốn góp**

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	<b>Tại ngày 31/12/2025 và 31/12/2024</b>	
	<b>Vốn điều lệ được duyệt và đã góp</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“DLVN”)	27,500,000,000	100%

Công ty mẹ trực tiếp, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, và công ty mẹ cấp cao nhất, Dai-ichi Life Holding, Inc., được thành lập lần lượt tại Việt Nam và Nhật Bản.

**16. Phân phối lợi nhuận**

Hội đồng Thành viên của Công ty đã quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 với số tiền là 80.000.000.000 VND vào ngày 14 tháng 2 năm 2025 và phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 với số tiền là 80.000.000.000 VND vào ngày 29 tháng 12 năm 2025 (2024: 50.000.000.000 VND) cho Chủ sở hữu.

**17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>31/12/2024 VND</b>
Trong vòng một năm	1.019.015.850	995.927.064
Trong vòng hai đến năm năm	822.794.835	1.912.699.000
Trên năm năm	90.688.315	-
	<b>1.932.499.000</b>	<b>2.908.626.064</b>



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**18. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác liên quan đến khoản tiền gửi của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (công ty mẹ). Chi tiết các khoản tiền gửi theo các quỹ của công ty mẹ như sau:

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị</b>		
Tiền gửi ngân hàng	113.303.262.531	70.467.269.828
<b>Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết chung</b>		
Tiền gửi ngân hàng	3.353.892.434	3.299.308.896
<b>Quỹ sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện</b>		
Tiền gửi ngân hàng	28.517.122	47.375.077
<b>Quỹ sản phẩm bảo hiểm truyền thống</b>		
Tiền gửi ngân hàng	3.312.139.344	40.635.466.245
	<hr/>	<hr/>
	119.997.811.431	114.449.420.046
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**19. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, chi tiết theo các quỹ như sau:

	31/12/2025		31/12/2024	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
<b>Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị</b>				<b>Giá thị trường (*) VND</b>
Chứng khoán vốn niêm yết	121.156.559	4.084.475.926.166	75.931.332	2.771.803.899.943
Chứng khoán nợ	370.080	116.692.864.800	370.000	36.692.864.800
Tiền gửi có kỳ hạn		1.038.200.000.000		1.152.900.000.000
				2.977.618.400.500
				46.287.970.000
				1.152.900.000.000
<b>Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết chung</b>				
Chứng khoán nợ	175.992.950	34.925.850.714.166	175.971.620	30.698.207.506.622
Tiền gửi có kỳ hạn		3.864.900.000.000		2.675.200.000.000
				33.189.069.404.310
				2.675.200.000.000
<b>Quỹ sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện</b>				
Chứng khoán nợ	1.150.000	116.627.350.000	1.150.000	116.627.350.000
Tiền gửi có kỳ hạn		122.700.000.000		109.760.000.000
				138.539.850.000
				109.760.000.000
<b>Quỹ sản phẩm bảo hiểm truyền thống</b>				
Chứng khoán nợ	109.024.773	14.562.316.702.284	109.020.213	14.427.316.702.284
Tiền gửi có kỳ hạn		5.279.200.000.000		3.207.000.000.000
				16.855.114.340.732
				3.207.000.000.000
				3.207.000.000.000
				60.351.489.965.542
				55.195.508.323.649

(\*) Giá thị trường của các khoản đầu tư được xác định theo các điều khoản về xác định giá thị trường được quy định trong hợp đồng quản lý danh mục với Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam.

(PHỔ) K P NG N 1120

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**20. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu từ bán cổ phiếu	25.528.439.068	-
Phải thu cổ tức	181.500.000	4.023.450.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>25.709.939.068</b>	<b>4.023.450.000</b>

**21. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam	34.927.199.190	30.753.445.998
Phải trả mua cổ phiếu	20.695.685.056	-
	<hr/>	<hr/>
	<b>55.622.884.246</b>	<b>30.753.445.998</b>

**22. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh**

Doanh thu thuần thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư của DLVN (i)	151.763.891.315	136.941.545.311
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (ii)	1.896.336.969	1.746.556.350
Doanh thu từ phí phát hành chứng chỉ quỹ mở	-	24.059.693
	<hr/>	<hr/>
	<b>153.660.228.284</b>	<b>138.712.161.354</b>

- (i) Công ty quản lý danh mục đầu tư cho Quỹ sản phẩm bảo hiểm truyền thống, Quỹ Liên kết Đơn vị, Quỹ Liên kết chung và Quỹ Hưu trí của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (công ty mẹ) theo hợp đồng quản lý đầu tư có hiệu lực từ ngày 12 tháng 6 năm 2014.

12-00  
HÁN  
TY TN  
MG  
HỒ CH

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

- (ii) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN-CAF”) và Quỹ Đầu tư Trái Phiếu DFVN (“DFVN-FIX”) là các quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam.

Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập	Giá trị tài sản ròng tại ngày	
			31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
DFVN-CAF	Quỹ đầu tư	Số 34/GCN-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2019	177.989.062.900	134.335.029.090
DFVN-FIX	Quỹ đầu tư	Số 02/GCN-UBCK ngày 4 tháng 2 năm 2021	85.852.592.587	75.950.396.455

Theo điều lệ quỹ của DFVN-CAF và DFVN-FIX, Công ty được nhận phí quản lý quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ DFVN-CAF và DFVN-FIX.

Phí quản lý Quỹ DFVN-CAF được tính là 1,0% trên Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ trong một năm tài chính.

Phí quản lý Quỹ DFVN-FIX được tính là 0,5% trên Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ trong một năm tài chính.

Phí quản lý quỹ được tính tại các kỳ định giá dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các ngày định giá thực hiện trong tháng.

### 23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	9.075.188.281	8.845.743.213



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Lương và các chi phí theo lương	29.275.737.677	25.367.800.556
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	7.647.503.879	6.836.951.798
Công cụ, dụng cụ và thiết bị	5.042.702.015	4.519.130.619
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.475.835.786	1.499.393.163
Chi phí công tác, vận chuyển	475.151.045	622.370.315
Trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư (Thuyết minh 14)	145.000.000	145.000.000
Thuê và phí khác	104.808.800	25.500.000
	44.166.739.202	39.016.146.451

**25. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Năm hiện hành	24.008.278.508	21.827.024.416
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(104.666.447)	126.354.430
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	23.903.612.061	21.953.378.846

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	118.567.624.514	108.593.347.449
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	23.713.524.902	21.718.669.489
Chi phí không được khấu trừ thuế	190.087.159	234.709.357
	23.903.612.061	21.953.378.846

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

**(a) Giao dịch phát sinh trong năm**

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam</b>		
<b>(“DLVN”) – Công ty mẹ</b>		
Phân phối lợi nhuận	160.000.000.000	50.000.000.000
Cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư	151.763.891.315	136.941.545.311
Chi phí trả hộ bởi công ty mẹ	24.690.770.705	21.536.932.242
<b>Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN – CAF”) –</b>		
<b>Quỹ do Công ty quản lý</b>		
Cung cấp dịch vụ quản lý quỹ	1.492.751.468	1.346.793.007
<b>Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (“DFVN – FIX”) –</b>		
<b>Quỹ do Công ty quản lý</b>		
Cung cấp dịch vụ quản lý quỹ	403.585.501	399.763.343

**(b) Số dư với các bên liên quan**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>DLVN – Công ty mẹ</b>		
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	34.927.199.190	30.753.445.998
<b>Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN – CAF”) –</b>		
<b>Quỹ do Công ty quản lý</b>		
Phải thu phí quản lý quỹ	148.701.838	112.482.666
Phải thu thuế thu nhập cá nhân giữ lại của nhà đầu tư	5.910.305	2.554.854
Phải thu thuế thu nhập cá nhân giữ lại của ban đại diện quỹ	4.500.000	4.500.000
Phải thu dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
<b>Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (“DFVN – FIX”) –</b>		
<b>Quỹ do Công ty quản lý</b>		
Phải thu phí quản lý quỹ	36.418.732	32.072.921
Phải thu thuế thu nhập cá nhân giữ lại của nhà đầu tư	2.788.312	757.131
Phải thu thuế thu nhập cá nhân giữ lại của ban đại diện quỹ	2.700.000	2.700.000
Phải thu dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Số dư tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và phải trả của nhà đầu tư ủy thác là DLVN đã được trình bày lần lượt tại Thuyết minh 18, Thuyết minh 19, Thuyết minh 20 và Thuyết minh 21.

## 27. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

### (a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

### (i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>31/12/2024 VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	24.633.640.697	1.894.855.971
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(ii)	104.000.000.000	190.500.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	(iii)	35.112.319.760	30.898.001.585
Phải thu ngắn hạn khác	(iii)	4.194.956.927	5.096.880.687
Phải thu dài hạn khác	(iii)	13.000.000	13.000.000
		<hr/>	<hr/>
		167.953.917.384	228.402.738.243

### (ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(iii) Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác**

Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu hoạt động quản lý quỹ, phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư, phải thu lãi tiền gửi và các khoản phải thu khác. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ quỹ thuộc quản lý của Công ty và có thời gian thanh toán ngắn. Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Chi phí phải trả	1.579.212.220	1.579.212.220	1.579.212.220
Phải trả ngắn hạn khác	72.415.569	72.415.569	72.415.569
	<b>1.651.627.789</b>	<b>1.651.627.789</b>	<b>1.651.627.789</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Phải trả người bán	44.572.000	44.572.000	44.572.000
Chi phí phải trả	712.058.111	712.058.111	712.058.111
Phải trả ngắn hạn khác	461.764.095	461.764.095	461.764.095
	<b>1.218.394.206</b>	<b>1.218.394.206</b>	<b>1.218.394.206</b>

**(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(i) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.633.640.697	1.894.855.971
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	104.000.000.000	190.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	128.633.640.697	192.394.855.971

**(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không chịu ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam, là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

32-007  
HÀNH  
Y TNHH  
MG  
TỔ CHỨC

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ của khoản mục này được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<i>Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	104.000.000.000	104.000.000.000	190.500.000.000	190.500.000.000
<i>Các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	24.633.640.697	24.633.640.697	1.894.855.971	1.894.855.971
▪ Phải thu hoạt động nghiệp vụ	35.112.319.760	35.112.319.760	30.898.001.585	30.898.001.585
▪ Phải thu ngắn hạn khác	4.194.956.927	4.194.956.927	5.096.880.687	5.096.880.687
▪ Phải thu dài hạn khác	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả người bán	-	-	44.572.000	44.572.000
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	1.579.212.220	1.579.212.220	712.058.111	712.058.111
▪ Phải trả ngắn hạn khác	72.415.569	72.415.569	461.764.095	461.764.095

**Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư của khoản mục này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của khoản mục này do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh  
 Tổng Giám đốc





**KPMG'S COPY**

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management  
Company Limited**

Financial statements for the year ended  
31 December 2025



## **Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited Corporate Information**

### **Establishment and Operation Licence No.**

53/GP-UBCK	10 February 2014
47/GPDC-UBCK	11 July 2018
72/GPDC-UBCK	8 August 2022
07/GPDC-UBCK	16 January 2023

The initial Establishment and Operation Licence and its updates were issued by the State Securities Commission.

### **Members' Council**

Mr. Tran Dinh Quan	Chairman
Mr. Ng Kiam Wee	Member
Mr. Dang Hong Hai	Member
Mr. Tran Chau Danh	Member
Mr. Yoshihito Takahama	Member (until 23 March 2026)

### **Chief Executive Officer**

Mr. Tran Chau Danh

### **Legal Representative**

Mr. Tran Chau Danh

### **Registered Office**

11<sup>th</sup> Floor, 149-151 Nguyen Van Troi Street  
Phu Nhuan Ward  
Ho Chi Minh City  
Vietnam

### **Auditor**

KPMG Limited  
Vietnam

## **Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited Statement of the Chief Executive Officer**

The Chief Executive Officer of Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited (“the Company”) presents this statement and the accompanying financial statements of the Company for the year ended 31 December 2025.

The Chief Executive Officer is responsible for the preparation and true and fair presentation of the financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 125/2011/TT-BTC dated 5 September 2011 issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for investment fund management companies and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting. In the opinion of the Chief Executive Officer:

- (a) the financial statements set out on pages 5 to 37 give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2025, and of its results of operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 125/2011/TT-BTC dated 5 September 2011 issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for investment fund management companies and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting; and
- (b) at the date of this statement, there are no reasons to believe that the Company will not be able to pay its debts as and when they fall due.

The Chief Executive Officer has, on the date of this statement, authorised the accompanying financial statements for issue.



**Tran Chau Danh**  
*Chief Executive Officer*

Ho Chi Minh City, 25 March 2026





## Auditor's Opinion

In our opinion, the financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited as at 31 December 2025 and of its results of operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 125/2011/TT-BTC dated 5 September 2011 issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for investment fund management companies and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

### KPMG Limited Branch

Vietnam

Audit Report No.: 25-01-00566-26-1



Nguyễn Thụy Ninh  
Practicing Auditor Registration  
Certificate No. 4623-2023-007-1  
*Deputy General Director*

Ho Chi Minh City, 25 March 2026

Pham Huy Cuong  
Practicing Auditor Registration  
Certificate No. 2675-2024-007-1



**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Balance sheet as at 31 December 2025**

**Form B01 – CTQ**  
*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>ASSETS</b>				
<b>Current assets</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	<b>100</b>		<b>169,987,469,595</b>	<b>230,200,959,843</b>
<b>Cash and cash equivalents</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>24,633,640,697</b>	<b>1,894,855,971</b>
Cash	111		6,633,640,697	1,894,855,971
Cash equivalents	112		18,000,000,000	-
<b>Short-term financial investments</b>	<b>120</b>		<b>104,000,000,000</b>	<b>190,500,000,000</b>
Held-to-maturity investments	123	5	104,000,000,000	190,500,000,000
<b>Accounts receivable – short-term</b>	<b>130</b>		<b>39,307,276,687</b>	<b>35,994,882,272</b>
Receivables from operating activities	134	6	35,112,319,760	30,898,001,585
Other short-term receivables	135	7	4,194,956,927	5,096,880,687
<b>Other current assets</b>	<b>150</b>		<b>2,046,552,211</b>	<b>1,811,221,600</b>
Short-term prepaid expenses	151	8(a)	2,046,552,211	1,811,221,600
<b>Long-term assets</b> (200 = 210 + 220 + 260)	<b>200</b>		<b>2,839,733,476</b>	<b>4,301,397,603</b>
<b>Accounts receivable – long-term</b>	<b>210</b>		<b>13,000,000</b>	<b>13,000,000</b>
Other long-term receivables	218		13,000,000	13,000,000
<b>Fixed assets</b>	<b>220</b>		<b>2,308,826,549</b>	<b>3,652,988,735</b>
Tangible fixed assets	221	9	512,650,840	703,480,256
Cost	222		3,319,879,743	3,188,206,143
Accumulated depreciation	223		(2,807,228,903)	(2,484,725,887)
Intangible fixed assets	227	10	1,796,175,709	2,949,508,479
Cost	228		10,239,320,684	10,239,320,684
Accumulated amortisation	229		(8,443,144,975)	(7,289,812,205)
<b>Other long-term assets</b>	<b>260</b>		<b>517,906,927</b>	<b>635,408,868</b>
Long-term prepaid expenses	261	8(b)	169,461,357	391,629,745
Deferred tax assets	262	11	348,445,570	243,779,123
<b>TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>172,827,203,071</b>	<b>234,502,357,446</b>

*The accompanying notes are an integral part of these financial statements*

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Balance sheet as at 31 December 2025 (continued)**

**Form B01 – CTQ**  
*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>RESOURCES</b>				
<b>LIABILITIES (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>18,095,120,920</b>	<b>14,434,287,748</b>
<b>Current liabilities</b>	<b>310</b>		<b>16,647,566,287</b>	<b>13,131,373,242</b>
Trade payables	311		-	44,572,000
Taxes and others payable to State Treasury	314	12	9,678,039,668	7,114,159,036
Accrued expenses	316	13	6,897,111,050	5,510,878,111
Other short-term payables	319		72,415,569	461,764,095
<b>Long-term liabilities</b>	<b>330</b>		<b>1,447,554,633</b>	<b>1,302,914,506</b>
Provision for indemnification to investors	359	14	1,447,554,633	1,302,914,506
<b>EQUITY (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>154,732,082,151</b>	<b>220,068,069,698</b>
<b>Owner's equity</b>	<b>410</b>		<b>154,732,082,151</b>	<b>220,068,069,698</b>
Contributed capital	411	15	27,500,000,000	27,500,000,000
Financial reserve	418		2,500,000,000	2,500,000,000
Retained profits	420		124,732,082,151	190,068,069,698
<b>TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>172,827,203,071</b>	<b>234,502,357,446</b>

*The accompanying notes are an integral part of these financial statements*

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Balance sheet as at 31 December 2025 (continued)**

**Form B01 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**OFF-BALANCE SHEET ITEMS**

	Code	Note	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Cash in banks of entrustors	030	18	119,997,811,431	114,449,420,046
- Domestic entrustors	031		119,997,811,431	114,449,420,046
Investment portfolio of entrustors	040	19	64,110,963,557,416	55,195,508,323,649
- Domestic entrustors	041		64,110,963,557,416	55,195,508,323,649
Receivables of entrustors	050	20	25,709,939,068	4,023,450,000
Payables of entrustors	051	21	55,622,884,246	30,753,445,998

25 March 2026

Prepared by:



Ms. Nguyen Thi Thuy Linh  
Chief Accountant

Approved by:



Mr. Tran Chau Danh  
Chief Executive Officer

*The accompanying notes are an integral part of these financial statements*

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Statement of income for the year ended 31 December 2025**

**Form B02 – CTQ**

(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	2025 VND	2024 VND
<b>Revenue</b>	<b>1</b>		<b>153,660,228,284</b>	<b>138,712,161,354</b>
<b>Revenue deductions</b>	<b>2</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Net operating revenue (10 = 1 – 2)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>153,660,228,284</b>	<b>138,712,161,354</b>
Financial income	21	23	9,075,188,281	8,845,743,213
General and administration expenses	25	24	44,166,739,202	39,016,146,451
<b>Net operating profit (30 = 10 + 21 - 25)</b>	<b>30</b>		<b>118,568,677,363</b>	<b>108,541,758,116</b>
Other income	31		8,539,400	51,870,160
Other expenses	32		9,592,249	280,827
<b>Results of other activities (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(1,052,849)</b>	<b>51,589,333</b>
<b>Accounting profit before tax (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>118,567,624,514</b>	<b>108,593,347,449</b>
<b>Income tax expense – current</b>	<b>51</b>	<b>25</b>	<b>24,008,278,508</b>	<b>21,827,024,416</b>
<b>Income tax (benefit)/expense – deferred</b>	<b>52</b>	<b>25</b>	<b>(104,666,447)</b>	<b>126,354,430</b>
<b>Net profit after tax (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>94,664,012,453</b>	<b>86,639,968,603</b>

25 March 2026

Prepared by:



Ms. Nguyen Thi Thuy Linh  
Chief Accountant

Approved by:

  
MỘT THÀNH VIÊN  
QUẢN LÝ QUỸ  
DAI-ICHI LIFE  
VIỆT NAM  
P. PHỤ NHUẬN T. P. HỒ CHÍ MINH

Mr. Tran Chau Danh  
Chief Executive Officer

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Statement of cash flows for the year ended 31 December 2025**  
**(Indirect method)**

**Form B03 – CTQ**  
*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC*  
*dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

	Code	2025 VND	2024 VND
<b>I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES</b>			
<b>1. Profit before tax</b>	<b>01</b>	<b>118,567,624,514</b>	<b>108,593,347,449</b>
<b>2. Adjustments for</b>			
Depreciation and amortisation	02	1,475,835,786	1,499,393,163
Allowances and provisions	03	145,000,000	145,000,000
Profits from investing activities	05	(9,075,188,281)	(8,845,743,213)
<b>3. Operating profit before changes in working capital</b>	<b>08</b>	<b>111,113,272,019</b>	<b>101,391,997,399</b>
Changes in receivables	09	(4,070,580,720)	(2,790,489,947)
Changes in payables and other liabilities	11	948,854,720	(246,251,900)
Changes in prepaid expenses	12	(13,162,223)	260,943,510
Corporate income tax paid	14	(21,441,300,056)	(20,595,073,681)
<b>Net cash flows from operating activities</b>	<b>20</b>	<b>86,537,083,740</b>	<b>78,021,125,381</b>
<b>II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES</b>			
Payments for additions to fixed assets and other long-term assets	21	(131,673,600)	-
Payments for term deposits at banks	23	(153,000,000,000)	(210,500,000,000)
Collections from term deposits at banks	24	239,500,000,000	126,000,000,000
Receipts of interest income	27	9,833,374,586	8,500,192,517
<b>Net cash flows from investing activities</b>	<b>30</b>	<b>96,201,700,986</b>	<b>(75,999,807,483)</b>

*The accompanying notes are an integral part of these financial statements*

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Statement of cash flows for the year ended 31 December 2025**  
**(Indirect method - continued)**

**Form B03 – CTQ**  
*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

	Code	2025 VND	2024 VND
<b>III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</b>			
Profits distribution	36	(160,000,000,000)	(50,000,000,000)
<b>Net cash flows from financing activities</b>	<b>40</b>	<b>(160,000,000,000)</b>	<b>(50,000,000,000)</b>
<b>Net cash flows during the year (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>22,738,784,726</b>	<b>(47,978,682,102)</b>
<b>Cash and cash equivalents at the beginning of the year</b>	<b>60</b>	<b>1,894,855,971</b>	<b>49,873,538,073</b>
<b>Cash and cash equivalents at the end of the year (70 = 50 + 60) (Note 4)</b>	<b>70</b>	<b>24,633,640,697</b>	<b>1,894,855,971</b>

25 March 2026

Prepared by:



Ms. Nguyen Thi Thuy Linh  
*Chief Accountant*

Approved by:



Mr. Trần Châu Danh  
*Chief Executive Officer*

*The accompanying notes are an integral part of these financial statements*

142-  
NHÀ  
TY  
PM  
10 HC



**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements.

**1. Reporting entity**

**(a) Ownership structure**

Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited (“the Company”) is a limited liability company incorporated in Vietnam under Establishment and Operation Licence No. 53/GP-UBCK issued by the State Securities Commission. The Establishment and Operation Licence has been amended several times and the latest amendment is by Establishment and Operation Licence No. 07/GPDC-UBCK dated 16 January 2023. The operating period of the Company under the Establishment and Operation License is 50 years.

The total investment and charter capital of the Company as stated in the Establishment and Operation Licence is VND27,500 million.

**(b) Principal activities**

The principal activities of the Company are to establish and manage investment funds, to provide investment portfolio management service and securities investment consultancy service in Vietnam.

**(c) Normal business cycle**

The normal business cycle of the Company is generally within 12 months.

**(d) Number of employees**

As at 31 December 2025, the Company had 20 employees (31/12/2024: 20 employees) of which 12 employees have certificates of fund and assets management (31/12/2024: 12 employees).

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**2. Basis of preparation**

**(a) Statement of compliance**

The financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 125/2011/TT-BTC dated 5 September 2011 (“Circular 125”) issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for investment fund management companies and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting. These standards and relevant statutory requirements may differ in some material respects from International Financial Reporting Standards and the generally accepted accounting principles and standards of other countries. Accordingly, the accompanying financial statements are not intended to present the financial position and results of operations and cash flows in accordance with generally accepted accounting principles and practices in countries or jurisdictions other than Vietnam. Furthermore, their utilisation is not designed for those who are not informed about Vietnamese accounting principles, procedures and practices applicable to investment fund management companies.

**(b) Basis of measurement**

The financial statements, except for the statement of cash flows, are prepared on the accrual basis using the historical cost concept. The statement of cash flows is prepared using the indirect method.

**(c) Annual accounting period**

The annual accounting period of the Company is from 1 January to 31 December.

**(d) Accounting and presentation currency**

The Company’s accounting currency is Vietnam Dong (“VND”), which is also the currency used for financial statements presentation purpose.

**(e) Accounting documentation system**

The Company uses accounting software to record its transactions and form of accounting record is general ledger.



**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**3. Summary of significant accounting policies**

The following significant accounting policies have been adopted by the Company in the preparation of these financial statements.

**(a) Foreign currency transactions**

Transactions in currencies other than VND during the year have been translated into VND at actual rates of exchange ruling at the transaction dates.

Monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND are translated into VND at the account transfer buying rate and the account transfer selling rate, respectively at the end of the annual accounting period quoted by the commercial bank where the Company most frequently conducts transactions.

All foreign exchange differences are recorded in the statement of income.

**(b) Cash and cash equivalents**

Cash comprises cash balances and call deposits. Cash equivalents are short-term highly liquid investments that are readily convertible to known amounts of cash, are subject to an insignificant risk of changes in value, and are held for the purpose of meeting short-term cash commitments rather than for investment or other purposes.

**(c) Held-to-maturity investments**

Held-to-maturity investments are those that the Company's management has the intention and ability to hold until maturity. Held-to-maturity investments comprise term deposits at banks, which are stated at cost less allowance for doubtful debts.

**(d) Accounts receivable**

Accounts receivable from customers and other receivables are stated at cost less allowance for doubtful debts.

Allowance for doubtful debts is made based on the overdue status or expected losses on undue debts which may occur when an economic organisation is bankrupted or liquidated; or debtor is missing, running away, being prosecuted, in prison, under a trial or pending execution of sentences or deceased.

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

Allowance for doubtful debts based on the overdue status of debts using the following allowance rates:

<b>Overdue status</b>	<b>Allowance rate</b>
From six (06) months to less than one (01) year	30%
From one (01) year to less than two (02) years	50%
From two (02) years to less than three (03) years	70%
From three (03) years and above	100%

Increase/decrease in allowance for doubtful debts is recorded as expense/income in the statement of income during the year, except when allowance for doubtful debts is used to write off the debts which were made allowance for and unable to recover. An allowance is reversed only to the extent that the receivables' carrying amount does not exceed the carrying amount that would have been determined if no allowance had been recognised.

**(e) Tangible fixed assets**

**(i) Cost**

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The initial cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price, including import duties, non-refundable purchase taxes and any directly attributable costs of bringing the asset to its working condition and location for its intended use. Expenditure incurred after tangible fixed assets have been put into operation, such as repair, maintenance and overhaul cost, is charged to the statement of income in the year in which the cost is incurred. In situations where it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in an increase in the future economic benefits expected to be obtained from the use of tangible fixed assets beyond their originally assessed standard of performance, the expenditure is capitalised as an additional cost of tangible fixed assets.

**(ii) Depreciation**

Depreciation is computed on a straight-line basis over the estimated useful lives of tangible fixed assets. The estimated useful lives are as follows:

▪ office renovation	4 years
▪ equipment, management tool	2 – 5 years

**(f) Intangible fixed assets**

**Software**

Cost of acquiring new software, which is not an integral part of the related hardware, is capitalised and treated as an intangible asset. Software cost is amortised on a straight-line basis over a period ranging from 3 to 5 years.

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**(g) Long-term prepaid expenses**

**(i) Tools and instruments**

Tools and instruments include assets held for use by the Company in the normal course of business whose costs of individual items are less than VND30 million and therefore not qualified for recognition as fixed assets under the current regulations. Cost of tools and instruments are amortised on a straight-line basis over a period ranging from over 1 to 3 years.

**(ii) Other expenses**

Other expenses include equipment upgrading expenses and other expenses which are recorded at cost and amortised on a straight-line basis over a period ranging from 2 to 4 years.

**(h) Accounts payable and other payables**

Accounts payable and other payables are stated at their cost.

**(i) Provision for indemnification to investors**

In accordance with Circular No. 99/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Ministry of Finance (“Circular 99”), a fund management company shall purchase professional liability insurance or make provision for indemnification to investors. The Company makes provision for indemnification to investors in accordance with the internal policy approved in Approval Document No. IC/2025/004 dated 11 March 2025 (2024: the Company makes provision for indemnification to investors in accordance with the internal policy approved in Approval Document No. IC/2024/002 dated 27 February 2024).

**(j) Provisions**

A provision is recognised if, as a result of a past event, the Company has a present legal or constructive obligation that can be estimated reliably, and it is probable that an outflow of economic benefits will be required to settle the obligation. Provisions are determined by discounting the expected future cash flows at a pre-tax rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the liability.



**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**(k) Taxation**

Income tax on the profit or loss for the year comprises current and deferred tax. Income tax is recognised in the statement of income except to the extent that it relates to items recognised directly to equity, in which case it is recognised in equity.

Current tax is the expected tax payable on the taxable income for the year, using the tax rates enacted at the end of the annual accounting period, and any adjustment to tax payable in respect of previous years.

Deferred tax is provided using the balance sheet method, providing for temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the amounts used for taxation purposes. The amount of deferred tax provided is based on the expected manner of realisation or settlement of the carrying amounts of assets and liabilities using the tax rates enacted or substantively enacted at the end of the annual accounting period.

A deferred tax asset is recognised only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the temporary difference can be utilised. Deferred tax assets are reduced to the extent that it is no longer probable that the related tax benefit will be realised.

**(l) Contributed capital**

Contributed capital is recognised on the contribution date at the actual amount contributed less any directly attributable transaction costs.

**(m) Statutory reserves**

On 17 December 2021, the Ministry of Finance issued Circular No. 114/2021/TT-BTC (“Circular 114”) to abolish Circular No. 146/2014/TT-BTC (“Circular 146”) dated 6 October 2014 issued by the Ministry of Finance to provide guidance on the financial regime for securities companies, fund management companies. Circular 114 is effective from 1 February 2022. Consequently, the Company has ceased to allocate realised profit to statutory reserves since 2022. According to Circular 114:

- The balance of reserve to supplement charter capital that was already made under Circular 146 will be used to supplement charter capital as promulgated under Securities Law No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019 and other relevant regulations.
- The balance of financial reserve can be used to supplement to charter capital or distributed in accordance with the decision of Members’ Council of the Company as promulgated under Securities Law No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019 and other relevant regulations.

According to Resolution No. MC2022-05 dated 25 October 2022 of the Members’ Council, the Company has adjusted to increase charter capital from the reserve to supplement charter capital and continued to keep the outstanding balance of financial reserve.

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**(n) Classification of financial instruments**

Solely for the purpose of providing disclosures about the significance of financial instruments to the Company's financial position and results of operations and the nature and extent of risk arising from financial instruments, the Company classifies its financial instruments as follows:

**(i) Financial assets**

*Financial assets at fair value through profit or loss*

A financial asset at fair value through profit or loss is a financial asset that meets either of the following conditions:

- It is considered by the Chief Executive Officer as held for trading. A financial asset is considered as held for trading if:
  - it is acquired principally for the purpose of selling it in the near term;
  - there is evidence of a recent pattern of short-term profit-taking; or
  - a derivative (except for a derivative that is financial guarantee contract or a designated and effective hedging instrument).
- Upon initial recognition, it is designated by the Company as at fair value through profit or loss.

*Held-to-maturity investments*

Held-to-maturity investments are non-derivative financial assets with fixed or determinable payments and a fixed maturity that the Company has the positive intention and ability to hold to maturity, other than:

- those that the Company upon initial recognition designates as at fair value through profit or loss;
- those that the Company designates as available-for-sale; and
- those that meet the definition of loans and receivables.

*Loans and receivables*

Loans and receivables are non-derivative financial assets with fixed or determinable payments that are not quoted in an active market, other than those:

- that the Company intends to sell immediately or in the near term, which are classified as held for trading, and those that the entity on initial recognition designates as at fair value through profit or loss;
- that the Company upon initial recognition designates as available-for-sale; or
- for which the Company may not recover substantially all of its initial investment, other than because of credit deterioration, which are classified as available-for-sale.

2042  
NH  
STY  
PM  
HỒ

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

*Available-for-sale financial assets*

Available-for-sale financial assets are non-derivative financial assets that are designated as available for sale or that are not classified as:

- financial assets at fair value through profit or loss;
- held-to-maturity investments; or
- loans and receivables.

**(ii) Financial liabilities**

*Financial liabilities at fair value through profit or loss*

A financial liability at fair value through profit or loss is a financial liability that meets either of the following conditions:

- It is considered by the Chief Executive Officer as held for trading. A financial liability is considered as held for trading if:
  - it is incurred principally for the purpose of repurchasing it in the near term;
  - there is evidence of a recent pattern of short-term profit-taking; or
  - a derivative (except for a derivative that is financial guarantee contract or a designated and effective hedging instrument).
- Upon initial recognition, it is designated by the Company as at fair value through profit or loss.

*Financial liabilities carried at amortised cost*

Financial liabilities which are not classified as financial liabilities at fair value through profit or loss are classified as financial liabilities carried at amortised cost.

The above described classification of financial instruments is solely for presentation and disclosure purpose and is not intended to be a description of how the instruments are measured. Accounting policies for measurement of financial instruments are disclosed in other relevant notes.

**(o) Entrusted investment contracts**

The Company receives money from customers and uses the money to invest in securities on behalf of the customers in accordance with the terms of the entrusted investment contracts. Investments in securities on behalf of customers under entrusted investment contracts together with assets and liabilities in relation to such contracts are recorded in off-balance sheet in accordance with the guidance of Circular 125.

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**(p) Revenue and other income**

**(i) *Services rendered***

Investment portfolio management fees and fund management fees are recognised in the statement of income when services are provided to customers according to the terms and conditions of contracts signed with customers. No revenue is recognised if there are significant uncertainties regarding recovery of the consideration due.

**(ii) *Interest income***

Interest income is recognised on a time proportion basis with reference to the principal outstanding and the applicable interest rate.

**(q) Leases**

**(i) *Leased assets***

Assets leased under leases in which the Company, as the lessee, does not assume substantially all the risks and rewards of ownership, are classified as operating leases and are not recognised in the Company's balance sheet.

**(ii) *Lease payments***

Payments made under operating leases are recognised in the statement of income on a straight-line basis over the term of the lease. Lease incentives received are recognised in the statement of income as an integral part of the total lease expense, over the term of the lease.

**(r) Related parties**

Parties are considered to be related to the Company if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or where the Company and the other party are subject to common control or significant influence. Related parties may be individuals or corporate entities and include close family members of any individual considered to be a related party.

Related companies refer to the owner (the parent company), the ultimate parent company and their subsidiaries and associates.

Related parties also include funds managed by the Company.

**(s) Nil balances**

Items or balances required by Circular 125 that are not shown in the financial statements indicate nil balances.



**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**(t) Comparative information**

Comparative information in these financial statements is presented as corresponding figures. Under this method, comparative information for the prior year is included as an integral part of the current year financial statements and is intended to be read only in relation to the amounts and other disclosures relating to the current year. Accordingly, the comparative information included in these financial statements is not intended to present the Company's financial position, results of operations or cash flows for the prior year.

**4. Cash and cash equivalents**

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Cash in banks</i>		
▪ Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam	6,505,361,728	1,834,998,388
▪ Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam	128,278,969	59,857,583
<i>Cash equivalents</i>		
▪ Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam	18,000,000,000	-
Cash and cash equivalents in the statement of cash flows	<u>24,633,640,697</u>	<u>1,894,855,971</u>

As at 31 December 2025, cash equivalents are term deposits in VND with original terms to maturity within 3 months and earned annual interest rate at 4.75% (31/12/2024: nil).

**5. Held-to-maturity investments**

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Term deposits with original term to maturity from over three months to one year and term deposits with remaining term to maturity of not more than one year:</i>		
▪ Asia Commercial Joint Stock Bank	9,000,000,000	58,000,000,000
▪ Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank	44,000,000,000	57,000,000,000
▪ Military Commercial Joint Stock Bank	-	31,000,000,000
▪ Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade	-	27,000,000,000
▪ Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam	4,000,000,000	17,500,000,000
▪ Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited	47,000,000,000	-
	<u>104,000,000,000</u>	<u>190,500,000,000</u>

As at 31 December 2025, these term deposits earn annual interest rates ranging from 5.20% to 6.60% (31/12/2024: from 4.20% to 6.30%).

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**6. Receivables from operating activities**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Receivables from investment portfolio management activities from Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam, Limited (“DLVN”) – the parent company (i)	34,927,199,190	30,753,445,998
Receivables from fund management activities from DFVN Capital Appreciation Fund (“DFVN – CAF”) (ii)	148,701,838	112,482,666
Receivables from fund management activities from DFVN Fixed Income Fund (“DFVN – FIX”) (iii)	36,418,732	32,072,921
	35,112,319,760	30,898,001,585

- (i) Receivables from investment portfolio management activities from the parent company were interest free and due within 15 days from invoice date. The Company can charge interest for late payment at rate equivalent to 3-month deposit interest rate quoted by Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam.
- (ii) Receivables from fund management activities from DFVN Capital Appreciation Fund were unsecured, interest free and collectible on demand.
- (iii) Receivables from fund management activities from DFVN Fixed Income Fund were unsecured, interest-free and collectible on demand.

**7. Other short-term receivables**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Interest receivable from term deposits at banks	4,151,386,313	4,909,572,618
Advances to employees (i)	5,430,000	153,553,261
Other short-term receivables (ii)	38,140,614	33,754,808
	4,194,956,927	5,096,880,687

- (i) As at 31 December 2025, the advance to employees with remaining term to maturity of not more than three months amounting to VND5,430,000 (31/12/2024: VND153,553,261).
- (ii) As at 31 December 2025, other short-term receivables have remaining term of not more than three months amounting to VND38,140,614 (31/12/2024: VND33,754,808).

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**8. Prepaid expenses**

**(a) Short-term prepaid expenses**

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Data analysis and access expenses	539,877,508	468,012,284
Software maintenance expenses	1,471,496,703	1,341,009,316
Others	35,178,000	2,200,000
	<hr/>	<hr/>
	2,046,552,211	1,811,221,600
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**(b) Long-term prepaid expenses**

	<b>Tools and instruments</b>	<b>Other expenses</b>	<b>Total</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Opening balance	310,113,206	81,516,539	391,629,745
Additions during the year	-	134,201,960	134,201,960
Amortisation for the year	(270,588,343)	(85,782,005)	(356,370,348)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Closing balance	39,524,863	129,936,494	169,461,357
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>



**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**9. Tangible fixed assets**

	<b>Office renovation VND</b>	<b>Equipment, management tool VND</b>	<b>Total VND</b>
<b>Cost</b>			
Opening balance	650,291,746	2,537,914,397	3,188,206,143
Additions	-	131,673,600	131,673,600
Closing balance	650,291,746	2,669,587,997	3,319,879,743
<b>Accumulated depreciation</b>			
Opening balance	176,120,681	2,308,605,206	2,484,725,887
Charge for the year	156,891,625	165,611,391	322,503,016
Closing balance	333,012,306	2,474,216,597	2,807,228,903
<b>Net book value</b>			
Opening balance	474,171,065	229,309,191	703,480,256
Closing balance	317,279,440	195,371,400	512,650,840

Included in tangible fixed assets were assets costing VND2,270,133,697 which were fully depreciated as of 31 December 2025 (31/12/2024: VND2,130,904,600), but which are still in use.



**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**10. Intangible fixed assets**

	<b>Software VND</b>
<b>Cost</b>	
Opening balance and closing balance	10,239,320,684
<b>Accumulated amortisation</b>	
Opening balance	7,289,812,205
Charge for the year	1,153,332,770
Closing balance	8,443,144,975
<b>Net book value</b>	
Opening balance	2,949,508,479
Closing balance	1,796,175,709

Included in intangible fixed assets were assets costing VND4,558,108,148 which were fully amortised as of 31 December 2025 and 31 December 2024, but which are still in use.

**11. Deferred tax assets**

	<b>Tax rate</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>31/12/2024 VND</b>
<i>Deferred tax assets:</i>			
Accrued expenses	20%	58,934,643	-
Provision for indemnification to investors	20%	289,510,927	260,582,901
		348,445,570	260,582,901
<i>Deferred tax liabilities:</i>			
Accrued expenses	20%	-	(16,803,778)
Deferred tax assets – net		348,445,570	243,779,123

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**12. Taxes and others payable to State Treasury**

	1/1/2025 VND	Incurred VND	Paid VND	31/12/2025 VND
Personal income tax	287,134,620	4,966,333,421	(4,969,431,241)	284,036,800
Corporate income tax	6,827,024,416	24,008,278,508	(21,441,300,056)	9,394,002,868
Other taxes	-	307,255,674	(307,255,674)	-
	<u>7,114,159,036</u>	<u>29,281,867,603</u>	<u>(26,717,986,971)</u>	<u>9,678,039,668</u>

**13. Accrued expenses**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
13 <sup>th</sup> month salary and performance bonus for employees	5,317,898,830	4,798,820,000
Other expenses	1,579,212,220	712,058,111
	<u>6,897,111,050</u>	<u>5,510,878,111</u>

**14. Provision for indemnification to investors**

Movements of provision for indemnification to investors during the year were as follows:

	2025 VND	2024 VND
Opening balance	1,302,914,506	1,158,623,222
Provision made during the year (Note 24)	145,000,000	145,000,000
Compensations paid for investors	(359,873)	(708,716)
	<u>1,447,554,633</u>	<u>1,302,914,506</u>

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**15. Contributed capital**

The Company's authorised and contributed charter capital were:

	<b>As at 31/12/2025 and 31/12/2024</b>	
	<b>Authorised and contributed charter capital</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>
Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam, Limited ("DLVN")	27,500,000,000	100%

The parent company, Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam, Limited, and the ultimate parent company, Dai-ichi Life Holding, Inc., are incorporated in Vietnam and Japan, respectively.

**16. Profit distribution**

The Members' Council of the Company distributed the retained profit after tax for the year 2024 with the amount of VND80,000,000,000 on 14 February 2025 and the retained profit after tax for the year 2025 with the amount of VND80,000,000,000 on 29 December 2025 (2024: VND50,000,000,000) to the Owner.

**17. Off-balance sheet items**

**Lease commitments**

The future minimum lease payments under non-cancellable operating leases were as follows:

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Within one year	1,019,015,850	995,927,064
From two to five years	822,794,835	1,912,699,000
Over five years	90,688,315	-
	<b>1,932,499,000</b>	<b>2,908,626,064</b>



**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**18. Cash in banks of entrustors**

Cash in banks of entrustors are related to cash in banks of Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam, Limited (the parent company). Details of cash in banks under the parent company's funds were as follows:

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Unit-linked insurance product funds</b>		
Cash in banks	113,303,262,531	70,467,269,828
<b>Universal life insurance product fund</b>		
Cash in banks	3,353,892,434	3,299,308,896
<b>Voluntary pension insurance product fund</b>		
Cash in banks	28,517,122	47,375,077
<b>Traditional products' insurance product funds</b>		
Cash in banks	3,312,139,344	40,635,466,245
	<hr/>	<hr/>
	119,997,811,431	114,449,420,046
	<hr/>	<hr/>



**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**  
*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC*  
*dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**19. Investment portfolio of entrustors**

The investment portfolio of the domestic entrustors is Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam, Limited, details by funds were as follows:

	31/12/2025		31/12/2024			
	Quantity	Cost VND	Market value (*) VND	Quantity	Cost VND	Market value (*) VND
<b>Unit-linked insurance product funds</b>						
Listed equity securities	121,156,559	4,084,475,926,166	4,631,076,979,000	75,931,332	2,771,803,899,943	2,977,618,400,500
Debt securities	370,080	116,692,864,800	123,413,020,000	370,000	36,692,864,800	46,287,970,000
Term deposits		1,038,200,000,000	1,038,200,000,000		1,152,900,000,000	1,152,900,000,000
<b>Universal life insurance product fund</b>						
Debt securities	175,992,950	34,925,850,714,166	35,764,846,662,910	175,971,620	30,698,207,506,622	33,189,069,404,310
Term deposits		3,864,900,000,000	3,864,900,000,000		2,675,200,000,000	2,675,200,000,000
<b>Voluntary pension insurance product fund</b>						
Debt securities	1,150,000	116,627,350,000	129,521,450,000	1,150,000	116,627,350,000	138,539,850,000
Term deposits		122,700,000,000	122,700,000,000		109,760,000,000	109,760,000,000
<b>Traditional products' insurance product funds</b>						
Debt securities	109,024,773	14,562,316,702,284	15,912,201,967,650	109,020,213	14,427,316,702,284	16,855,114,340,732
Term deposits		5,279,200,000,000	5,279,200,000,000		3,207,000,000,000	3,207,000,000,000
		64,110,963,557,416	66,866,060,079,560		55,195,508,323,649	60,351,489,965,542

(\*) The market value of the investments is determined according to market value valuation methodology specified in the portfolio management contract with Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam, Limited.

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**  
*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**20. Receivables of entrustors**

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Receivables from sales of equity securities	25,528,439,068	-
Dividends receivable	181,500,000	4,023,450,000
	<hr/>	<hr/>
	<b>25,709,939,068</b>	<b>4,023,450,000</b>
	<hr/>	<hr/>

**21. Payables of entrustors**

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Payables to Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited	34,927,199,190	30,753,445,998
Payables for purchases of equity securities	20,695,685,056	-
	<hr/>	<hr/>
	<b>55,622,884,246</b>	<b>30,753,445,998</b>
	<hr/>	<hr/>

**22. Net operating revenue**

Net operating revenue represents the gross value of services rendered exclusive of value added tax.

Net revenue comprised:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Revenue from investment portfolio management activities from DLVN (i)	151,763,891,315	136,941,545,311
Revenue from fund management activities (ii)	1,896,336,969	1,746,556,350
Revenue from issuance of open-ended fund certificates	-	24,059,693
	<hr/>	<hr/>
	<b>153,660,228,284</b>	<b>138,712,161,354</b>
	<hr/>	<hr/>

- (i) The Company performs investment portfolio management activities for Traditional products' funds, Unit-linked funds, Universal life fund and Voluntary pension fund of Dai-ichi Vietnam Life Insurance Company Limited (the parent company) under the investment portfolio management agreement effective from 12 June 2014.

007-  
**ANH**  
**TNH**  
**IG**  
**CHI**

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

- (ii) The Company currently manages DFVN Capital Appreciation Fund (“DFVN-CAF”) and DFVN Fixed Income Fund (“DFVN-FIX”) which are investment funds established in Vietnam.

Details of these funds are as follows:

Short name	Principal activity	Establishment Registration Certificate	Net asset value as at	
			31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
DFVN-CAF	Investment fund	No. 34/GCN-UBCK dated 3 January 2019	177,989,062,900	134,335,029,090
DFVN-FIX	Investment fund	No. 02/GCN-UBCK dated 4 February 2021	85,852,592,587	75,950,396,455

In accordance with the Charters of DFVN-CAF and DFVN-FIX, the Company is entitled to receive annual management fee to provide fund management service for DFVN-CAF and DFVN-FIX.

Fund management fee of DFVN-CAF is calculated at 1.0% of Net Asset Value (“NAV”) of the Fund for a fiscal year.

Fund management fee of DFVN-FIX is calculated at 0.5% of Net Asset Value (“NAV”) of the Fund for a fiscal year.

Fund management fee is calculated for each valuation period based on the NAV excluding fee at the date prior to the valuation date and paid monthly. Monthly fee payable is total fee which is calculated (accrued) for valuation dates within each month.

## 23. Financial income

	2025 VND	2024 VND
Interest income from deposits at banks	9,075,188,281	8,845,743,213



**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**24. General and administration expenses**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Salary and related expenses	29,275,737,677	25,367,800,556
Outside services	7,647,503,879	6,836,951,798
Tools, instruments and stationery	5,042,702,015	4,519,130,619
Depreciation and amortisation	1,475,835,786	1,499,393,163
Travelling and transportation expenses	475,151,045	622,370,315
Provision for indemnification to investors (Note 14)	145,000,000	145,000,000
Taxes and other fees	104,808,800	25,500,000
	44,166,739,202	39,016,146,451

**25. Income tax**

**(a) Recognised in the statement of income**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
<b>Current tax expense</b>		
Current year	24,008,278,508	21,827,024,416
<b>Deferred tax (benefit)/expense</b>		
Originations and reversals of temporary differences	(104,666,447)	126,354,430
Income tax expense	23,903,612,061	21,953,378,846

**(b) Reconciliation of effective tax rate**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Accounting profit before tax	118,567,624,514	108,593,347,449
Tax at the Company's tax rate	23,713,524,902	21,718,669,489
Non-deductible expenses	190,087,159	234,709,357
	23,903,612,061	21,953,378,846

**(c) Applicable tax rates**

Under the prevailing Corporate Income Tax Law, the Company has an obligation to pay the corporate income tax at the rate of 20% of taxable profits.

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**  
*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**26. Significant transactions with related parties**

**(a) Transactions during the year**

During the year, the Company had the following transactions with related parties as follows:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i><b>Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam, Limited</b></i>		
<i><b>(“DLVN”) – the parent company</b></i>		
Profits distribution	160,000,000,000	50,000,000,000
Investment portfolio management fee	151,763,891,315	136,941,545,311
Payments on behalf by the parent company	24,690,770,705	21,536,932,242
<i><b>DFVN Capital Appreciation Fund (“DFVN – CAF”) – the Fund managed by the Company</b></i>		
Fund management fee	1,492,751,468	1,346,793,007
<i><b>DFVN Capital Fixed Income Fund (“DFVN – FIX”) – the Fund managed by the Company</b></i>		
Fund management fee	403,585,501	399,763,343

**(b) Balances with related parties**

At the end of the annual accounting period, other balances with related parties were as follows:

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i><b>DLVN – the parent company</b></i>		
Receivables from investment portfolio management activities	34,927,199,190	30,753,445,998
<i><b>DFVN Capital Appreciation Fund (“DFVN – CAF”) – the Fund managed by the Company</b></i>		
Receivables from fund management activities	148,701,838	112,482,666
Receivables from personal income tax of investors	5,910,305	2,554,854
Receivables from personal income tax of Fund Representatives	4,500,000	4,500,000
Receivables from transfer agent services	11,000,000	11,000,000
<i><b>DFVN Fixed Income Fund (“DFVN – FIX”) – the Fund managed by the Company</b></i>		
Receivables from fund management activities	36,418,732	32,072,921
Receivables from retained personal income tax of investors	2,788,312	757,131
Receivables from personal income tax of Fund Representatives	2,700,000	2,700,000
Receivables from transfer agent services	11,000,000	11,000,000

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**  
*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**Off balance sheet items**

Cash in banks, investment portfolio, receivables and payables of entrusted investors which is DLVN, are presented in Note 18, Note 19, Note 20 and Note 21, respectively.

**27. Financial risk management**

The Company has exposure to the following risks from its use of financial instruments:

- credit risk;
- liquidity risk; and
- market risk.

**(a) Credit risk**

Credit risk is the risk of financial loss to the Company if a customer or counterparty to a financial instrument fails to meet its contractual obligations, and arises principally from deposits at banks, held-to-maturity investments and receivables.

**(i) Exposure to credit risk**

The total of carrying amount of financial assets represents the maximum credit exposure. The maximum exposure to credit risk at the end of the annual accounting period was as follows:

	Notes	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Cash in banks and cash equivalents	(ii)	24,633,640,697	1,894,855,971
Held-to-maturity investments	(ii)	104,000,000,000	190,500,000,000
Receivables from operating activities	(iii)	35,112,319,760	30,898,001,585
Other short-term receivables	(iii)	4,194,956,927	5,096,880,687
Other long-term receivables	(iii)	13,000,000	13,000,000
		167,953,917,384	228,402,738,243

**(ii) Cash in banks and cash equivalents and held-to-maturity investments**

Cash in banks and cash equivalents and held-to-maturity investments of the Company are mainly held with well-known financial institutions. The Chief Executive Officer does not foresee any significant credit risks from these deposits and does not expect that these financial institutions may default and cause losses to the Company.



**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**(iii) Receivables from operating activities and other receivables**

Receivables from operating activities and other receivables mainly include receivables from fund management activities, receivables from investment portfolio management activities, interest receivables from term deposits and other receivables. Credit risk in relation to receivables from fund management activities is considered minimal as these are receivables from funds under management of the Company. The risk of default is considered minimal. The Chief Executive Officer believes that those receivables are of high credit quality.

**(b) Liquidity risk**

Liquidity risk is the risk that the Company will not be able to meet its financial obligations as they fall due. The Company's approach to managing liquidity is to ensure, as far as possible, that it will always have sufficient liquidity to meet its liabilities when due, under both normal and stressed conditions, without incurring unacceptable losses or risking damage to the Company's reputation.

The financial liabilities with fixed or determinable payments have the following contractual maturities including the estimated interest payments:

<b>As at 31 December 2025</b>	<b>Carrying amount VND</b>	<b>Contractual cash flows VND</b>	<b>Within 1 year VND</b>
Accrued expenses	1,579,212,220	1,579,212,220	1,579,212,220
Other short-term payables	72,415,569	72,415,569	72,415,569
	<b>1,651,627,789</b>	<b>1,651,627,789</b>	<b>1,651,627,789</b>
<b>As at 31 December 2024</b>	<b>Carrying amount VND</b>	<b>Contractual cash flows VND</b>	<b>Within 1 year VND</b>
Trade payables	44,572,000	44,572,000	44,572,000
Accrued expenses	712,058,111	712,058,111	712,058,111
Other short-term payables	461,764,095	461,764,095	461,764,095
	<b>1,218,394,206</b>	<b>1,218,394,206</b>	<b>1,218,394,206</b>

**(c) Market risk**

Market risk is the risk that changes in market prices, such as foreign exchange rates, interest rates and equity prices will affect the Company's results of operations or the value of its holdings of financial instruments. The objective of market risk management is to manage and control market risk exposures within acceptable parameters, while optimising the return.

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

*(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)*

**(i) Interest rate risk**

Interest rate risk is the risk that the fair value or future cash flows of the Company's financial instruments will fluctuate as a result of changes in market interest rates.

At the end of the annual accounting period, the interest rate profile of the Company's interest-bearing financial instruments was as follows:

	Carrying amount	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>Fixed rate instruments</b>		
Cash in banks and cash equivalents	24,633,640,697	1,894,855,971
Held-to-maturity investments	104,000,000,000	190,500,000,000
	128,633,640,697	192,394,855,971

**(ii) Currency risk**

Currency risk is the risk that the fair value or future cash flows of the Company's financial instruments will fluctuate as a result of changes in foreign exchange rate.

As at 31 December 2025 and 31 December 2024, the Company is not significantly exposed to currency risk as the Company's assets and liabilities are mainly denominated in Vietnam Dong, which is the Company's accounting currency.

**(d) Fair value of financial assets and financial liabilities**

Fair value is the amount that would be received to sell an asset or paid to transfer a liability in an orderly transaction between market participants at the measurement date.

**Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2025 (continued)**

**Form B09 – CTQ**

(Issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated 5 September 2011 of the Ministry of Finance)

The fair values of financial assets and financial liabilities, together with the carrying amounts shown in the balance sheet, were as follows:

	31/12/2025		31/12/2024	
	Carrying amount VND	Fair value VND	Carrying amount VND	Fair value VND
<b>Financial assets</b>				
<i>Held-to-maturity investments</i>				
▪ Term deposits at banks	104,000,000,000	104,000,000,000	190,500,000,000	190,500,000,000
<i>Loans and receivables:</i>				
▪ Cash in banks and cash equivalents	24,633,640,697	24,633,640,697	1,894,855,971	1,894,855,971
▪ Receivables from operating activities	35,112,319,760	35,112,319,760	30,898,001,585	30,898,001,585
▪ Other short-term receivables	4,194,956,927	4,194,956,927	5,096,880,687	5,096,880,687
▪ Other long-term receivables	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000
<b>Financial liabilities</b>				
<i>Financial liabilities carried at amortised cost:</i>				
▪ Trade payables	-	-	44,572,000	44,572,000
▪ Accrued expenses	1,579,212,220	1,579,212,220	712,058,111	712,058,111
▪ Other short-term payables	72,415,569	72,415,569	461,764,095	461,764,095

**Basis for determining fair values**

The Company uses the following valuation methods and assumptions to determine fair value for financial assets and financial liabilities:

- Fair values of cash and cash equivalents are their balances as at the end of the annual accounting period.
- Fair values of the Company's other financial assets and financial liabilities approximate their carrying values due to the short maturities of these financial instruments.

25 March 2026

Prepared by:



Ms. Nguyen Thi Thuy Linh  
Chief Accountant

Approved by:



Mr. Tran Chau Danh  
Chief Executive Officer